

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm hóa chất xét nghiệm, vật tư tiêu hao phục vụ khám chữa bệnh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Sốt rét - KST - CT Quy Nhơn.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm báo giá: Phòng Kế hoạch-Tổng hợp, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn. ĐT: 0256.3846571.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khu vực 8, Phường Nhơn Phú, Tp. Quy Nhơn, Bình Định, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn.
 - Nhận qua email: viensrqn@impe-qn.org.vn.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 26/8/2023 đến trước 17h ngày 12/9/2023. Các báo giá nhận sau thời gian trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 12/9/2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa: 146 danh mục (Chi tiết tại phụ lục kèm theo).
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Viện Sốt rét - KST - CT Quy Nhơn, Tầng 2, Số 27 Lý Thái Tổ, Phường Nguyễn Văn Cừ, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.
- Thời gian giao hàng dự kiến: 03 ngày kể từ khi nhận được đơn đặt hàng từ Chủ đầu tư.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán trả sau từng đợt theo số lượng của các đơn đặt hàng trong tháng (sau 60 ngày nhận hàng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệm thu hàng hóa và hóa đơn tài chính hợp lệ).
- Các thông tin khác:
 - Mẫu báo giá theo mẫu Thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế về việc quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập. (Mẫu

báo giá kèm theo).

- Giá hàng hóa trong báo giá bao gồm các loại thuế, vận chuyển, bốc dỡ và giao hàng tại kho Viện Sốt rét - KST - CT Quy Nhơn.

Xin trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website của Viện;
- Lưu VT, KHTH, TCKT.

VIỆN TRƯỞNG 

Hồ Văn Hoàng 

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 600/VSR-KHTH, ngày 25/8/2023)

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
I	Hóa chất xét nghiệm giun sán dùng cho máy bán tự động			
1	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng amip	- Phát hiện kháng thể lớp IgG trong huyết thanh người bệnh để chẩn đoán bệnh do amip <i>Entamoeba histolytica</i> - Độ nhạy: $\geq 90\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 94\%$. - Quy cách: 96 test/bộ.	50	Bộ
2	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng gạo lợn	- Phát hiện kháng thể lớp IgG trong huyết thanh người bệnh để chẩn đoán bệnh do <i>Cysticercus cellulosae</i> - Độ nhạy: $\geq 94\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 97\%$ - Quy cách: 96 test/bộ.	600	Bộ
3	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng sán lá gan lớn	- Phát hiện kháng thể lớp IgG trong huyết thanh người bệnh để chẩn đoán bệnh do <i>Fasciola sp</i> - Độ nhạy: $\geq 95\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 93\%$ - Quy cách: 96 test/bộ.	600	Bộ
4	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng giun đầu gai	- Phát hiện kháng thể lớp IgG trong huyết thanh người bệnh để chẩn đoán bệnh do <i>Gnathostoma sp</i> - Độ nhạy: $\geq 90\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 90\%$ - Quy cách: 96 test/bộ.	600	Bộ
5	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng giun lươn	- Phát hiện kháng thể lớp IgG trong huyết thanh người bệnh để chẩn đoán bệnh do <i>Strongyloides stercoralis</i> - Độ nhạy: $\geq 92\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 90\%$ - Quy cách: 96 test/bộ.	600	Bộ

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
6	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng giun đũa chó	- Phát hiện kháng thể lớp IgG trong huyết thanh người bệnh để chẩn đoán bệnh do <i>Toxocara canis</i> - Độ nhạy: $\geq 95\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$ - Quy cách: 96 test/bộ.	600	Bộ
II	Hóa chất xét nghiệm giun sán dùng cho máy tự động			
1	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng sán dải chó	- <i>Echinococcus</i> IgG được chỉ định để xét nghiệm kháng thể kháng <i>Echinococcus</i> trong huyết thanh hoặc huyết tương - Độ nhạy $\geq 95\%$, độ đặc hiệu $\geq 95\%$ - Quy cách: 96 test/hộp.	30	hộp
2	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng giun tròn phổi chuột	<i>Angiostrongylus cantonensis</i> IgG được chỉ định để xét nghiệm kháng thể kháng <i>Angiostrongylus cantonensis</i> trong huyết thanh hoặc huyết tương - Độ nhạy $\geq 95\%$, Độ đặc hiệu $\geq 95\%$ - Quy cách: 96 test/hộp.	30	hộp
III	Hóa chất xét nghiệm kháng thể H.Pylori			
1	Bộ xét nghiệm kháng thể H.Pylori IgG	- Bộ hóa chất xét nghiệm phát hiện kháng thể H.Pylori IgG chạy trên máy Elisa bán tự động. - Độ nhạy $\geq 94\%$; - Độ đặc hiệu $\geq 92\%$; - Quy cách: 96 test/hộp.	700	hộp
2	Bộ xét nghiệm kháng thể H.Pylori IgM	- Bộ xét nghiệm kháng thể H.Pylori dùng để phát hiện kháng thể IgM kháng <i>Helicobacter pylori</i> trong huyết thanh người chạy trên máy tự động. - Độ nhạy: $\geq 80\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 97\%$	100	hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		- Quy cách: 96 test/hộp.		
IV	Hóa chất xác định nhóm máu			
1	Nhóm máu A	Dựa vào phản ứng ngưng kết hồng cầu để xác định nhóm máu. Thuốc thử sẽ gây ra phản ứng ngưng kết trực tiếp với hồng cầu mang kháng nguyên A có trong mẫu máu. Quy cách: 10 ml/lọ.	2	lọ
2	Nhóm máu B	Dựa vào phản ứng ngưng kết hồng cầu để xác định nhóm máu. Thuốc thử sẽ gây ra phản ứng ngưng kết trực tiếp với hồng cầu mang kháng nguyên B có trong mẫu máu. Quy cách: 10 ml/lọ.	2	lọ
3	Nhóm máu AB	Dựa vào phản ứng ngưng kết hồng cầu để xác định nhóm máu. Thuốc thử sẽ gây ra phản ứng ngưng kết trực tiếp với hồng cầu mang kháng nguyên A và B có trong mẫu máu. Quy cách: 10 ml/lọ.	2	lọ
V	Hóa chất xét nghiệm dùng trên máy huyết học 1			
1	Chất kiểm chuẩn dùng trên máy phân tích huyết học	Hóa chất kiểm chuẩn huyết học được sử dụng để theo dõi sự hoạt động của máy huyết học : - Thành phần: gồm hồng cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương, thành phần giống tiểu cầu và hồng cầu cố định mô phỏng bạch cầu và hồng cầu có nhân. - Quy cách: Một hộp có 4 bộ, mỗi bộ có 3 lọ: 1x3.5mL Level I + 1x3.5mL Level II + 1x3.5mL Level III.	8	Hộp
2	Dung dịch ly giải dùng cho xét nghiệm huyết học	- Chất ly giải hồng cầu để định lượng hemoglobin, đếm NRBC, đếm và đo kích thước bạch cầu trên hệ thống phân tích tế bào huyết học - Thành phần: Quaternary Ammonium Salts 5-80 g/L, Sodium Sulfite 1-5 g/L, Chất ổn định, Chất đệm. - Quy cách: 5lít/hộp	18	hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
3	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất để sử dụng như một chất làm sạch cho các bộ phận của máy phân tích tế bào tự động khi tiếp xúc với máu. - Thành phần: Dung dịch chứa enzym phân giải protein - Quy cách: 10lít/hộp 	9	hộp
4	Dung dịch ly giải dùng cho xét nghiệm huyết học	<ul style="list-style-type: none"> - Hoá chất để thực hiện phân tích năm thành phần bạch cầu trong một mẫu máu, sử dụng công nghệ VCSn. - Thành phần: gồm hai loại hoá chất: <ul style="list-style-type: none"> + Hoá chất Erythrolyse gồm: yếu tố làm ẩm 0.3-1.5g/L, Formic Acid 1.2mL/L + Hoá chất StaliLyse gồm: Sodium Carbonate 6 g/L, Natri clorua 14,5 g/L, Natri sunfat 31,3g/L - Quy cách: Một hộp chứa 2 bình hóa chất. Bình 1: COULTER Erythrolyse II Reagent, đóng gói 1900 mL. Bình 2: COULTER tabiLyse Reagent, đóng gói 850 mL. 	20	hộp
5	Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm huyết học	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng như một dung dịch đệm pha loãng đẳng trương kết hợp với một tác nhân ly giải không chứa cyanide dùng để đếm và định cỡ các tế bào máu trên hệ thống phân tích tế bào tự động – - Thành phần: Sodium Sulfate 13.73 g/L, Sodium Chloride 1.04 g/L, Tetracaine HCL 0,02 g/L, Imidazole 2,85 g/L - Quy cách: 10lít/hộp 	360	hộp
6	Chất chuẩn máy dùng trên máy phân tích huyết học	<ul style="list-style-type: none"> - Chất chuẩn dùng để chỉnh hệ số trên hệ thống phân tích tế bào tự động được liệt kê trong bảng trong tờ insert, kết hợp với thuốc thử cụ thể. - Thành phần: gồm hồng cầu người, thành phần có kích thước tiểu cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương Hồng cầu cố định được thêm vào để mô phỏng bạch cầu. - Quy cách: 3,3ml/lọ 	2	lọ

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
7	Chất kiểm chuẩn máy dùng hiệu chỉnh thông số VCS trên máy phân tích huyết học	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất được chỉ định sử dụng trên hệ thống phân tích tế bào tự động kết hợp các hóa chất phân tích để theo dõi giá trị phép đo các thông số về thể tích, độ dẫn, tán xạ. - Thành phần: một dung dịch chứa các hạt nhựa polystyrene trong chất đệm chứa chất hoạt tính bề mặt - Quy cách: 4ml/lọ 	2	lọ
VI	Hóa chất và vật tư dùng cho máy sinh hóa			
1	Đo hoạt độ ALT (GPT)	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT; dải đo: 3-500U/L; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. - Thành phần: L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH \geq 1.8 kU/L; NADH 0.20 mmol/L; - Quy cách: 4x50ml+4x25ml/hộp 	30	hộp
2	Đo hoạt độ AST (GOT)	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. - Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH \geq 0.9 kU/L; MDH \geq 0.6 kU/L; NADH 0.20 mmol/L; - Quy cách: 4x25ml+4x25ml /hộp 	30	hộp
3	Định lượng Bilirubin trực tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp ; dải đo: 0–171 μmol/L ; phương pháp: DPD, bước sóng 570 nM. - Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L - Quy cách: 4x20ml+4x20ml/hộp 	4	hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
4	Định lượng Bilirubin toàn phần	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin ; dải đo: 0-513 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: DPD, bước sóng 540 nM. - Thành phần: Caffeine 2.1 mmol/L; 3,5-dichlorophenyldiazonium tetrafluoroborate 0.31 mmol/L - Quy cách: 4x40ml+4x40ml /hộp	3	hộp
5	Định lượng Cholesterol toàn phần	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol ; dải đo: 0.5-18 mmol/L ; phương pháp: CHO-POD; bước sóng 540/600 nM. - Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 $\mu\text{kat/L}$); Cholesterol oxidase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 $\mu\text{kat/L}$); - Quy cách: 4x45ml /hộp	6	hộp
6	Định lượng Creatinin	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine ; dải đo: 5-2200 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. - Thành phần: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L. - Quy cách: 4x51ml+4x51ml/hộp	22	hộp
7	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT ; dải đo: 5-1200 U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. - Thành phần: Glycylglycine pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L; L- γ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L - Quy cách: 4x40ml+4x40ml /hộp	5	hộp
8	Định lượng Glucose	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; dải đo: 0.6-45 mmol/L ; phương pháp: Hexokinase, bước sóng 340 nM. - Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP $\geq 2,0$ mmol/L, Hexokinase $\geq 0,59$ kU/L, G6P-DH $\geq 1,58$ kU/L - Quy cách: 4x53ml+4x27ml/hộp	8	hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
9	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol ; dải đo: 0.05-4.65 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour). - Thành phần: Kháng thể kháng β-lipoprotein ở người nồng độ thay đổi; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL;F-DAOS 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L - Quy cách: 4x51.3ml+4x17.1ml /hộp 	6	hộp
10	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	<ul style="list-style-type: none"> Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol ; dải đo: 0.26-10.3 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour . Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L; - Quy cách: 4x51.3ml+4x17.1ml /hộp 	6	hộp
11	Định lượng Triglycerid	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride ; dải đo: 0.1-11.3 mmol/L; phương pháp: GPO-POD; bước sóng 660/800 nM. - Thành phần:4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L (25 μkat/L); Glycerol kinase 0.5 kU/L (8.3 μkat/L); Peroxidase 0.98 kU/L (16.3 μkat/L); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μkat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μkat/L); - Quy cách: 4x50ml+4x12.5ml /hộp 	10	hộp
12	Định lượng Ure	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen ; dải đo: 0.8-50 mmol/L ; phương pháp: Urease/GLDH . - Thành phần: NADH \geq 0.26 mmol/L; 2-Oxoglutarate \geq 9.8 mmol/L ;Urease \geq 17.76 kU/L; GLDH \geq 0.16 kU/L - Quy cách: 4x53ml+4x53ml /hộp 	8	hộp
13	Định lượng Acid Uric	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid ; dải đo: 89-1785 μmol/L ; phương pháp: Uricase/POD . - Thành phần:MADB 0.15 mmol/L;4-Aminophenazone 0.30 mmol/L; Peroxidase 	8	hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		<p>≥ 5.9 kU/L (98 μkat/L); Uricase ≥ 0.25 kU/L (4.15 μkat/L); Ascorbate Oxidase ≥ 1.56 kU/L (26 μkat/L)</p> <p>- Quy cách: 4x42.3ml+4x17.7ml /hộp</p>		
14	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	<p>- Dung dịch rửa hệ thống.</p> <p>- Thành phần bao gồm: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%</p> <p>- Quy cách: 5 lít/bình</p>	8	bình
15	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	<p>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL.</p> <p>- Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người).</p> <p>- Quy cách: 2x3ml/hộp</p>	2	hộp
16	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	<p>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL.</p> <p>- Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người).</p> <p>- Quy cách: 2x1 ml /hộp</p>	2	hộp
17	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	<p>Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật.</p> <p>- Quy cách: 5ml/lọ</p>	12	lọ
18	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	<p>- Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người)</p> <p>- Quy cách: 5ml/lọ</p>	2	lọ
19	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c	<p>- Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c; Thành phần: Tetradeoyltrimethylammonium bromid 9000 g/L</p> <p>- Quy cách: 1000ml/hộp</p>	6	hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
20	Định lượng HbA1c	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c; Thành phần: + Chất hiệu chuẩn HbA1c; ; Hemolysate (người và cừu);; 0,9% tetradecyltrimethylammonium bromide;; + Thuốc thử HbA1c R1 Antibody: Kháng thể kháng HbA1c ở người (cừu) $\geq 0,5$ mg/mL; đệm MES 0,025 mol/L, đệm TRIS 0,015 mol/L; + Thuốc thử HbA1c R2 Polyhapten: HbA1c Polyhapten ≥ 8 μ g/mL; đệm MES 0,025 mol/L, đệm TRIS 0,015 mol/L; + Hemoglobin toàn phần R1: Dung dịch đệm photphat, pH 7,4: 0,02 mol/L; Phương pháp: THb: Đo màu A1c: Ức chế miễn dịch đo độ đục; Dải tuyến tính: THb: 3,7–13,0 mmol/L (6–21g/dL) và HbA1c: 0,19 mmol/L (0,3 g/dL) đến nồng độ hiệu chất hiệu chuẩn 6, HbA1c: 20 – 140 mmol/mol HbA1c (IFCC) và 4 – 15% HbA1c (NGSP); Bước sóng: THb: 570 nm HbA1c: 340 nm; Loại mẫu: Máu toàn phần; Độ lặp lại: CV $\leq 4\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 4\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 2 test - Quy cách: 2x37,5ml+2x7,5ml+2x34,5ml+ 5x2ml/hộp	6	hộp
21	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	- Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c; Thành phần: Máu người chứa các haemoglobin bình thường. Chất kiểm chứng mức 2 được sản xuất bởi quy trình glycation (có kiểm soát) nguồn máu không mắc bệnh tiểu đường; Chất kiểm chứng 2 mức; Các giá trị xét nghiệm lấy từ các phân tích lặp lại, có thể truy nguyên và cụ thể đối với mỗi thuốc thử Haemoglobin A1c của nhà sản xuất - Quy cách: 2x1ml+2x1ml/hộp	6	hộp
22	Bóng đèn halogen	Bóng đèn Halogen 12V 20W. - Quy cách: 1 cái/hộp	10	cái
23	Dây bơm	- Dây bơm nhu động bằng cao su và nhựa, dài 10.5cm - Quy cách: 2 cái/ túi	10	túi
24	Hạt nhựa Mixbed lọc nước	- Chất liệu: nhựa - Cảm quan: màu vàng đến nâu. Kích thước: 0.3 - 1.2 - Quy cách: 25 lít/túi	2	túi

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
25	Lỗi lọc thô 1 micron	- Chất liệu: PP - Quy cách: 1 cái/bì	24	cái
26	Lỗi lọc thô 5 micron	- Chất liệu: PP - Quy cách: 1 cái/bì	12	cái
27	Lỗi lọc RO 300	Bộ lọc nước RO bao gồm: - Quả lọc (1 bộ gồm 02 quả) - Quả lọc thô (1 bộ gồm 03 quả PP20", UDF20", CTO20") - 01 bộ màng lọc RO (gồm 03 quả) - Quy cách: 1 cái/bì	4	cái
VII	Hóa chất và vật tư dùng cho máy miễn dịch tự động 1			
1	Cơ chất phát quang	- Lumi-Phos 530 (dung dịch đệm chứa chất dioxetan Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt). - Quy cách: 4x130ml/hộp	20	hộp
2	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích miễn dịch	- Dạng lỏng, màu vàng nhạt, pH 2.5, chứa acid hữu cơ. - Quy cách: 3,8lít/bình	1	bình
3	Dung dịch rửa máy hàng ngày	- Thành phần: chứa các tác nhân rửa nonionic, dạng lỏng, màu trắng, trong suốt - Quy cách: 1lít/bình	1	bình
4	Dung dịch đệm cho xét nghiệm miễn dịch	- Thành phần: Muối đệm Tris, chất hoạt động bề mặt, < 0.1% natri azide - Quy cách: 10lít/thùng	20	thùng

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
5	Định lượng HBs Ab	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi phân tích: 0–750 mIU/MI - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym một bước (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng nguyên bề mặt vi-rút viêm gan B (loại phụ “ay” và “ad”, từ người, khử hoạt tính bằng nhiệt), trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, BSA, < 0,1% natri azit và 0,0025% Cosmocil. R1b: Dung dịch tiền xử lý: Dung dịch muối đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, BSA, < 0,1% natri azit và 0,125% ProClin 300. R1c: Liên hợp: Kháng nguyên bề mặt vi-rút viêm gan B (loại phụ “ay” và “ad”, từ người, khử hoạt tính bằng nhiệt) — photphataza kiềm (tái tổ hợp) trong dung dịch muối đệm phosphate, có chất hoạt tính bề mặt, BSA, < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300. - Quy cách: 2x50test/hộp 	14	hộp
6	Chất chuẩn HBs Ab	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: S0: Huyết tương đã khử xơ/huyết thanh người, có 0 mIU/mL kháng thể kháng HBs, < 0,1% natri azit, 0,25% ProClin 300 S1,S2,S3,S4,S5: Huyết tương người đã khử xơ chứa xấp xỉ 10, 20, 50, 250 và 750 mIU/mL kháng thể kháng HBs Ag, < 0,1% natri azit, 0,25% ProClin 300 - Quy cách: 6x2.5ml/hộp 	6	hộp
7	Chất kiểm tra xét nghiệm HBsAb	<ul style="list-style-type: none"> - QC1: Huyết tương (người) đã loại bỏ fibrin, < 0,1% natri azide, 0,25% ProClin 300, âm tính với xét nghiệm phát hiện kháng thể anti-HBs Ab. QC2: Huyết tương (người) đã loại bỏ fibrin, gamma globulin người đặc hiệu với HBs Ag, < 0,1% natri azide, 0,25% ProClin 300. Dương tính với xét nghiệm phát hiện kháng thể anti-HBs Ab ở nồng độ xấp xỉ 60 mIU/mL. - Quy cách: 6x3.5ml/hộp 	6	hộp
8	Chất kiểm tra xét nghiệm HBsAg	<ul style="list-style-type: none"> - QC1: Huyết tương (người) đã loại bỏ fibrin, HBs Ag âm tính, < 0,1% NaN₃, 0,25% ProClin 300. QC2: Huyết tương (người) đã loại bỏ fibrin, HBs Ag dương tính, < 0,1% NaN₃, 0,25% ProClin 300. - Quy cách: 6x4ml/hộp 	6	hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
9	Giếng phản ứng cho dòng máy Dxl	Chén nhựa phản ứng mẫu bên trong - Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL - Quy cách: 1.000 cái/gói	50	gói
10	Cúp hóa chất 0,5ml để đựng mẫu và hóa chất	- Chén nhựa phản ứng mẫu bên ngoài, dung tích 0.5ml, chất liệu Polystyrene. - Quy cách: 1.000 cái/gói	2	gói
VIII	Hóa chất và vật tư dùng cho máy nước tiểu tự động			
1	Cartridge 12 thông số	- Que thử 12 thông số : Tỷ trọng (SG), Hồng cầu (Blood), Bilirubin, pH, Leukocyte, Creatinine†, Protein, Nitrite, Albumin†, Glucose, Urobilinogen, Ketone. Máy tự động tính thêm 2 thông số : Albumin/ Creatinine (A/C) và Protein / Creatinine (P/C). - Quy cách: 450test/hộp	10	hộp
2	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu	Hóa chất rửa máy. Quy cách: 4x26ml/hộp	1	hộp
3	Hóa chất chuẩn cho máy xét nghiệm nước tiểu	Hóa chất chuẩn máy. Quy cách: 4x230 ml/hộp.	1	hộp
4	Test chuẩn âm tính	- Hóa chất Control âm tính dùng để hiệu chuẩn máy. - Quy cách: 25test/hộp	5	hộp
5	Test chuẩn dương tính	- Hóa chất Control dương tính dùng để hiệu chuẩn máy. - Quy cách: 25test/hộp	5	hộp
6	Ống đựng mẫu nước tiểu	Ống nhựa PP 16x100mm + nắp gắn sẵn, có nắp (nắp ấn trong cấu trúc 2 tầng màu trắng đục. - Thành ống trơn láng chống sự bám dính mẫu bệnh phẩm. - Quy cách: 1.500 cái/thùng	5.000	cái

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
IX	Hóa chất cho máy xét nghiệm HbA1c			
1	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	Được sử dụng để kiểm soát hiệu năng của xét nghiệm định lượng Glycerated Hemoglobin - Bột đông khô, cần hoàn nguyên trước khi sử dụng. Thành phần: Máu toàn phần - Quy cách: 2x500 μ l/hộp	6	hộp
1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HbA1c	Được sử dụng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng Hba1C theo nguyên lí ái lực (affinity) - Bột đông khô, cần hoàn nguyên trước khi sử dụng - Thành phần: Máu toàn phần - Quy cách: 2x500 μ l/hộp	6	hộp
3	Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng hiệu năng cao	Hóa chất sẵn sàng cho sử dụng trên máy Premier Hb9210. Thành phần: Dung dịch Buffer A: Nước 90-100%, Methanol: 0-0.5%, dd Ammonia: 0.5-1%; Dung dịch Buffer B: Nước 90-100%, Methanol: 0-0.5%, dd Ammonia: 0-0.5%; Dung dịch Diluent: Nước 90-100%, TRITON X100: 0-0.5%, Sodium azide: 0-0.5%; Dung dịch Wash: Nước 90-100%, Ethanol: 1-10%, Methanol: 0-0.5%, Sodium azide: 0-0.5%; Cột phân tích: Polymer gel: 90-100% - Quy cách: 500 test/hộp	6	hộp
X	Hóa chất dùng siêu âm, nội soi, định lượng virus viêm gan B và định lượng virus viêm gan C			
1	Gel bôi trơn	- Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo... đã được tiệt trùng. Nó không gây ra dị ứng, không gây kích ứng da. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi. - Thành phần chính gồm: Water; Glycerin; Monopropylen; Glycol; Hydroxyl ethyl cellulose; Methyl; Hydroxybenzoate; Citric Acid - Quy cách: 82g/tuýp	7	tuýp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
2	Dung dịch sát khuẩn	- Thành phần: Hoạt chất 0,55% Ortho- Phthalaldehyde. - Quy cách: 5 lít/can	10	can
3	Dung dịch tẩy rửa có hoạt tính enzyme	- Thành phần: Hỗn hợp 5 enzyme: Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase + chất hoạt động bề mặt tẩy rửa dụng cụ y tế với 5 enzyme. - Quy cách: 1 lít/can	7	can
4	Bộ kit định lượng virus viêm gan B bằng kỹ thuật real-time PCR	- Bộ xét nghiệm IVD NK qPCR - VBquant kit sử dụng kỹ thuật Realtime PCR dùng đầu dò Taqman Fam khuếch đại đoạn gen đặc hiệu để phát hiện và định lượng HBV - DNA trong các mẫu thử khác nhau. - Thành phần: Cung cấp tất cả các thành phần đủ để làm xét nghiệm trên 50 mẫu thử bao gồm chứng, các chuẩn và mẫu: + HBV TQPCR Mix: 125µl x 9 tube + Low profile white PCR tubes: 72 tube + HBVDNA-IC: 300µl x 2 tube + HBVDNA S1: 300µl x 2 tube + HBVDNA S2: 300µl x 2 tube + HBVDNA S3: 300µl x 2 tube + Chứng [-]: 1000µl x 1 tube - Mức phát hiện: 50 IU/ml mẫu thử - Hóa chất được bảo quản ở nhiệt độ khoảng -18 độ C và 2-8 độ C - Quy cách: 50 mẫu/bộ	6	bộ
5	Bộ kit định lượng virus viêm gan C bằng kỹ thuật real-time PCR	- Bộ xét nghiệm IVD NK RTqPCR - VCquant kit sử dụng kỹ thuật Realtime PCR dùng đầu dò Taqman Fam khuếch đại đoạn gen đặc hiệu để phát hiện và định lượng HCV - RNA trong các mẫu thử khác nhau. - Thành phần: Cung cấp tất cả các thành phần đủ để làm xét nghiệm trên 50 mẫu thử bao gồm các chứng và mẫu: + RT-qPCR HCV Mix: 7 tube x 125µl + Low profile white PCR tube: 56 tube	4	Bộ

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		+ Chứng [-]: 1 tube x 1000 μ l + HCVRNA-IC: 300 μ l x 2 tube + HCVDNA-S1: 300 μ l x 2 tube + HCVDNA-S2: 300 μ l x 2 tube + HCVDNA-S3: 300 μ l x 2 tube - Mức phát hiện: 1 IU/phản ứng - Hóa chất được bảo quản ở nhiệt độ: -18 độ C và 2-8 độ C - Quy cách: 50 mẫu/bộ		
XI	Hóa chất xét nghiệm dùng máy huyết học 2			
1	Hóa chất tạo dòng chảy trong xét nghiệm huyết học	- Dạng lỏng - Mục đích sử dụng: Dung dịch bao bọc dòng chảy tế bào trong phân tích RBC và BASO - Quy cách: 20 lít/bình	20	Bình
2	Hóa chất rửa máy huyết học	- Dạng lỏng - Mục đích sử dụng: Dung dịch tẩy sử dụng enzym, Hoá chất tẩy rửa máy rửa định kỳ. - Quy cách: 2 x 1620 ml/hộp	26	Hộp
3	Hóa chất đo công thức máu	- Dạng lỏng - Mục đích sử dụng: dùng để đo RBC/PLT, Baso, Hemoglobin - Quy cách: gồm 7 bình nhỏ chứa 9.875ml/thùng + Defoamer : 1x75ml + Rbc/Plt: 2x2.700ml + Baso: 2x 1.100ml + CN-Free Hgb: 2x1.100ml	6	Thùng

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
4	Hóa chất đo các thành phần bạch cầu	- Dạng lỏng - Mục đích sử dụng: Thuốc thử nhuộm hoá tế bào bạch cầu - Quy cách: 8 bình nhỏ gồm 9.070ml/ thùng + Perox 1: 2x650ml + Perox 2: 2x575ml + Perox 3: 2x585ml + Perox Sheath: 2x2.725ml	6	Thùng
5	Hóa chất control huyết học mức thấp	- Dạng lỏng - Mục đích sử dụng: QC – chất liệu kiểm chuẩn (không bao gồm kiểm chuẩn xét nghiệm hồng cầu lưới, mức thấp) - Quy cách: 4 x 4ml/hộp	12	hộp
6	Hóa chất control huyết học mức thường	- Dạng lỏng - Mục đích sử dụng: QC – chất liệu kiểm chuẩn (không bao gồm kiểm chuẩn xét nghiệm hồng cầu lưới, mức bình thường) - Quy cách: 4 x 4ml/hộp	12	hộp
7	Hóa chất control huyết học mức cao	- Dạng lỏng - Mục đích sử dụng: QC – chất liệu kiểm chuẩn (không bao gồm kiểm chuẩn xét nghiệm hồng cầu lưới, mức cao) - Quy cách: 4 x 4ml/hộp	12	hộp
8	Hóa chất hiệu chuẩn máy	- Hàng hóa thuộc dạng lỏng. - Dùng để hiệu chuẩn hệ thống máy huyết học. - Quy cách: 2 x 6.1 ml/hộp	2	hộp
XII	Hóa chất và vật tư dùng cho máy miễn dịch tự động 2			
1	Dung dịch rửa máy miễn dịch	- Bao gồm: + Probe Cleaning Solution: 100 ml dung dịch trong hộp nhựa đen (Dung dịch Sodium Hypochlorite <4.4%)	6	hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		+ Probe Cleaning Wedge: hộp chứa dung dịch rửa. Có thể tái sử dụng. + Probe Cleaning Barcode: mã vạch nhận dạng sử dụng trên hệ thống Immulite 2000 Xpi. - Quy cách: 100 ml/hộp		
2	Dung dịch rửa kim miễn dịch	- Dung dịch đệm phosphate, chất tẩy Triton X-100 <0.9%, 10 lần đậm đặc. - Quy cách: 2x200ml/hộp	40	hộp
3	Dung dịch tạo nền phản ứng miễn dịch	- Bao gồm: phosphate ester của adamantyl dioxetane trong dung dịch đệm AMP với chất tăng cường. - Quy cách: 2000test/hộp	20	hộp
4	Hóa chất xét nghiệm vi khuẩn H.Pylory	- Bao gồm: + H.pylori Bead Pack + H.pylori IgG Reagent Wedge + H.pylori IgG Adjustors + H.pylori IgG Controls + H.pylori IgG Sample Diluent - Độ nhạy: 97%; Độ đặc hiệu: 100% - Quy cách: 600test/hộp	50	hộp
5	Hóa chất xét nghiệm Total IgE	- Bao gồm: + Total IgE Bead Pack +Total IgE Reagent Wedge + Total IgE Adjustors. - Độ nhạy phân tích: 1.0 IU/mL; Độ đặc hiệu: xét nghiệm đặc hiệu cao đối với IgE và không có phản ứng chéo với các Ig khác. - Quy cách: 600test/hộp	2	hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
6	Cup phản ứng để đựng mẫu và hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp dùng cho máy miễn dịch - Là loại cuvet đo được làm bằng nhựa cứng và trong - Quy cách: 1000 cái/gói 	40	gói
XIII	Hóa chất và vật tư dùng cho máy miễn dịch tự động 3			
1	Dung dịch acid kích hoạt phản ứng hóa phát quang cho xét nghiệm miễn dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch tham gia phản ứng miễn dịch: - Thành phần: Hydrogen peroxide (0.5%); nitric acid (0.1 N) - Quy cách: 2 x 1500 ml/hộp 	3	Hộp
2	Dung dịch base kích hoạt phản ứng hóa phát quang cho xét nghiệm miễn dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch tham gia phản ứng miễn dịch: - Thành phần: Sodium hydroxide (< 0.25 N); surfactant - Quy cách: 2 x 1500 ml/hộp 	3	Hộp
3	Dung dịch rửa trong phản ứng miễn dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch rửa dùng trong phản ứng miễn dịch - Thành phần: Phosphate-buffered saline; sodium azide (< 0.1%); surfactant. - Quy cách: 1 x 3000 mL/hộp 	40	Hộp
4	Dung dịch làm sạch hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch tẩy rửa hệ thống. - Thành phần: Sodium hypochlorite (0.29 - Quy cách: 2 x 1500 mL/hộp 	26	Hộp
5	Dung dịch rửa kim	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch rửa kim 3 - Thành phần: Natri hypochlorit (0,5%); natri hydroxit (< 0,5%) - Quy cách: 1 x 50 mL/hộp 	5	Hộp
6	Dung dịch rửa ống hút 1 (APW1)	<ul style="list-style-type: none"> Mục đích: Hệ thống sẽ rửa ống hút thuốc thử để giảm bớt tác động tiềm ẩn giữa các lần xét nghiệm. -Thành phần: 0,4 N natri hydroxit - Quy cách: 2 x 25 mL/hộp 	5	Hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
7	Dung dịch rửa đầu dò 3 (APW3)	-Mục đích: Dung dịch rửa đầu dò -Thành phần: Nước muối đệm phosphat; natri azit (< 0,1%); chất hoạt tính bề mặt - Quy cách: 2 x 25 mL/hộp	5	Hộp
8	Thuốc thử xét nghiệm hormone kích thích tuyến giáp (TSH, thyrotropin)	- Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro để định lượng hormone kích thích tuyến giáp (TSH, thyrotropin) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin) - Thành phần: Albumin huyết thanh bò (BSA) kết hợp với kháng thể kháng TSH đơn dòng ở chuột (~0,3 µg/mL) được gắn nhãn acridinium ester trong dung dịch muối đệm HEPES; Kháng thể kháng fluorescein đơn dòng ở chuột được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ (~85 µg/mL) trong chất đệm; - Khoảng đo: 0,008 đến 150,000 µIU/mL (mIU/L) - Quy cách: 110 test /hộp	2	Hộp
9	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm FT3, T3, T4, TUp và FT4	- Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn các xét nghiệm: FT3, T3, T4, TUp và FT4 - Thành phần: đông khô. đông khô. Sau khi hoàn nguyên, nồng độ triiodothyronine (FT3) tự do, triiodothyronine (T3), thyroxine (FT4) tự do, thyroxine (T4), protein liên kết tuyến giáp không bão hòa và theophylline cao hoặc thấp; huyết tương người; natri azit (0,2%); chất bảo quản; chất ổn định protein - Quy cách: 2 x 2 x 5ml/hộp	2	Hộp
10	Thuốc thử xét nghiệm triiodothyronine tự do (FT3)	- Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng triiodothyronine tự do (FT3) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin) - Thành phần: Kháng thể kháng T3 đơn dòng ở chuột (~8 ng/mL) được gắn nhãn acridinium ester trong chất đệm HEPES; - Khoảng đo: 0,20 đến 20,00 pg/mL (0,31 đến 30,80 pmol/L) - Quy cách: 60 test /hộp	2	Hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
11	Thuốc thử xét nghiệm triiodothyronine (T3)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng triiodothyronine (T3) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin) - Thành phần: Kháng thể kháng T3 đơn dòng ở chuột (~60 ng/mL) được gắn nhãn acridinium ester trong dung dịch muối đệm; Chất tương tự T3 (~13,3 µg/mL) được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ trong chất đệm HEPES; - Khoảng đo: 0,10 đến 8,00 ng/mL (0,15 đến 12,3 nmol/L) - Quy cách: 120 test /hộp 	2	Hộp
12	Thuốc thử phụ cho xét nghiệm T3/T4/Vb12	<ul style="list-style-type: none"> -Mục đích: Tham gia và quá trình xét nghiệm định lượng T3, T4 và VB12 -Thành phần: 0,4 N natri hydroxit - Quy cách: 2 x 23.6ml 	2	Hộp
13	Thuốc thử xét nghiệm thyroxine (T4)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng thyroxine (T4) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin) - Thành phần: Kháng thể kháng T4 đơn dòng ở chuột (~1 µg/mL) được gắn nhãn acridinium ester trong chất đệm natri barbital; T4 (~0,2 µg/mL) được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ; - Khoảng đo: 0,3 đến 30,0 µg/dL (3,9 đến 387,0 nmol/L) - Quy cách: 150 test /hộp 	2	Hộp
14	Thuốc thử xét nghiệm thyroglobulin	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng thyroglobulin trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin) - Thành phần: Gói thuốc thử chính + Thuốc thử Lite Kháng thể kháng Tg người đơn dòng ở chuột, được gắn nhãn acridinium ester (khoảng 1,13 µg/mL); albumin huyết thanh bò (BSA); IgG ở chuột; chất đệm; chất ổn định; chất bảo quản + Pha rắn :Các vi hạt thuận từ phủ streptavidin được hình thành trước bằng kháng thể kháng Tg người đơn dòng ở chuột, được biotin hóa (khoảng 267 µg/mL); BSA; IgG ở chuột; chất đệm; chất ổn định; chất bảo quản + Thuốc thử phụ: BSA; globulin gamma bò; chất đệm; chất bảo quản 	3	Hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> + Chất hiệu chuẩn: Sau khi hoàn nguyên, thyroglobulin ở người; BSA; chất đệm; chất ổn định; chất bảo quản - Khoảng đo: 0,050–150 ng/mL (0,076 – 227 pmol/L) - Quy cách: 100 test /hộp 		
15	Chất hiệu chuẩn các xét nghiệm AFP và CEA	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro khi hiệu chuẩn các xét nghiệm AFP và CEA. - Thành phần: đông khô. Sau khi hoàn nguyên, các nồng độ thấp hoặc cao của alphafetoprotein (ở người) và kháng nguyên carcinoembryonic (ở người); chất đệm BSA; natri azit (< 0,1%); chất bảo quản - Quy cách: 2 x 2 x 2ml/hộp 	2	Hộp
16	Thuốc thử xét nghiệm alpha-fetoprotein	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng alpha-fetoprotein trong huyết thanh hoặc huyết tương người (EDTA và lithium heparin); dịch ối - Thành phần: Kháng thể tổ đa dòng kháng AFP (~0,16 µg/mL) được gắn nhãn acridinium ester trong dung dịch muối đệm; Kháng thể chuột đơn dòng kháng AFP (~0,064 mg/mL) được liên kết cộng hóa trị với các hạt phân tử thuận từ trong dung dịch muối đệm - Khoảng đo: 1,3 đến 1000,0 ng/mL (1,08 đến 830,00 IU/mL) - Quy cách: 100 test /hộp 	2	Hộp
17	Thuốc thử xét nghiệm kháng nguyên ung thư phổi	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng kháng nguyên ung thư phổi trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin) - Thành phần: Kháng thể kháng CEA đa dòng ở thỏ (~400 ng/mL) được gắn nhãn acridinium ester trong dung dịch muối đệm photphat; Kháng thể kháng CEA đơn dòng ở chuột (~120 µg/mL) được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ trong dung dịch muối đệm photphat; - Khoảng đo: 0,50 đến 100,00 ng/mL (µg/L) - Quy cách: 100 test /hộp 	2	Hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
18	Thuốc thử xét nghiệm theo chuỗi CA 125	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong định lượng theo chuỗi CA 125 trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin) - Thành phần: Kháng thể kháng M11 đơn dòng ở chuột (~0,15 µg/mL) được gắn nhãn acridinium ester và kháng thể kháng OC 125 đơn dòng ở chuột (~1,0 µg/mL) được gắn nhãn Fluorescein trong chất đệm photphat; Kháng thể kháng Fluorescein đơn dòng ở chuột (~30 µg/mL) được liên kết với các hạt thuận từ trong chất đệm photphat; - Khoảng đo: 2,0 đến 600,0 U/mL - Quy cách: 100 test /hộp 	2	Hộp
19	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm theo chuỗi CA 125	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125II - Thành phần: đông khô. Sau khi hoàn nguyên, nồng độ CA 125 cao hoặc thấp; albumin huyết thanh người có chất đệm; natri azit (< 0,1%); chất bảo quản - Quy cách: 2 x 2 x 2ml/hộp 	2	Hộp
20	Thuốc thử xét nghiệm kháng nguyên ung thư CA 15-3 theo chuỗi	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng kháng nguyên ung thư CA 15-3 theo chuỗi trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin) - Thành phần: Kháng thể kháng DF3 đơn dòng ở chuột (~ 2,0 µg/mL) được gắn nhãn acridinium ester trong dung dịch muối đệm; Kháng thể kháng 115D8 đơn dòng ở chuột (~12,5 µg/mL) được gắn nhãn sunfocacbonat của fluorescein trong dung dịch muối đệm; - Khoảng đo: 0,5 đến 200,0 U/mL - Quy cách: 100 test /hộp 	2	Hộp
21	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm kháng nguyên ung thư CA 15-3 theo chuỗi	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn xét nghiệm CA 15-3 - Thành phần: đông khô. Sau khi hoàn nguyên, nồng độ CA 15-3 cao hoặc thấp (người); huyết thanh ngựa; natri azit (0,1%); chất bảo quản - Quy cách: 2 x 2 x 2 mL/hộp 	2	Hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
22	Thuốc thử xét nghiệm theo chuỗi CA 19-9	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong định lượng theo chuỗi CA 19-9 trong huyết thanh người và hỗ trợ quản lý bệnh nhân mắc ung thư dạ dày-ruột (GI) - Thành phần: Kháng thể kháng CA 19-9 đơn dòng ở chuột (~0,4 µg/mL) được gắn nhãn acridinium ester trong chất đệm; Kháng thể kháng CA 19-9 đơn dòng ở chuột (~0,02 mg/mL) được liên kết cộng hóa trị với các vi hạt thuận từ trong chất đệm; - Khoảng đo: 1,20 đến 700,00 U/mL - Quy cách: 50 test /hộp 	2	Hộp
23	Thuốc thử xét nghiệm PSA	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt trong huyết thanh người - Thành phần: Kháng thể kháng PSA đa dòng ở dê (~77 ng/mL) được gắn nhãn acridinium ester trong dung dịch muối đệm; Kháng thể kháng PSA đơn dòng ở chuột (~25 µg/mL) được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ trong dung dịch muối đệm; - Khoảng đo: 0,01 đến 100,00 ng/mL (µg/L) - Quy cách: 100 test /hộp 	2	Hộp
24	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn xét nghiệm PSA - Thành phần: đông khô. Sau khi hoàn nguyên, PSA (người) nồng độ thấp hoặc cao; huyết thanh dê; natri azit (< 0,1%); chất bảo quản - Quy cách: 2 x 2 x 2ml/hộp 	2	Hộp
25	Thuốc thử xét nghiệm Free-PSA	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng PSA tự do (kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt) trong huyết thanh người -Thành phần: Kháng thể chuột đơn dòng kháng PSA (~200 ng/mL) được gắn nhãn acridinium ester trong dung dịch muối đệm; Kháng thể chuột đơn dòng kháng fPSA (~2,5 µg/mL) được liên kết với các hạt phân tử thuận từ trong dung dịch muối đệm, -Khoảng đo: 0,01 đến 25,00 ng/mL (µg/L) 	2	Hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		- Quy cách: 50 test /hộp		
26	Thuốc thử xét nghiệm kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA, lithium heparin, natri heparin và natri citrate) - Thành phần: : Kháng thể kháng HBsAg đơn dòng ở chuột được gắn nhãn acridinium ester (~0,6 µg/mL) trong chất đệm; IgG của chuột; - Khoảng đo: Chỉ số 0,1 đến 1000,0 - Quy cách: 200 test /hộp 	50	Hộp
27	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi việc thực hiện các xét nghiệm HBsII và HBsII Conf. - Thành phần: Huyết tương người đã bù canxi âm tính và dương tính với HBsAg; chất bảo quản. - Quy cách: 2 x 2 x10ml/hộp 	2	Hộp
28	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể immunoglobulin G (IgG) kháng vi-rút viêm gan C (HCV)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định tính kháng thể immunoglobulin G (IgG) kháng vi-rút viêm gan C (HCV) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA, lithium heparin và natri heparin) - Thành phần: Kháng thể IgG kháng nhân đơn dòng ở chuột (~0,05 µg/mL) được gắn nhãn acridinium ester trong chất đệm; - Khoảng đo: Chỉ số 0,02 đến 11,00 - Quy cách: 200 test /hộp 	6	Hộp
29	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm kháng thể immunoglobulin G (IgG) kháng vi-rút viêm gan C (HCV)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong khi theo dõi việc thực hiện xét nghiệm aHCV. - Thành phần: Huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với kháng thể kháng HCV; natri azit (0,1%); chất bảo quản. - Quy cách: 2 x 2 x 7ml/hộp 	2	Hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
30	Thuốc thử xét nghiệm kháng nguyên e của vi-rút viêm gan B (HBeAg)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong xác định định tính kháng nguyên e của vi-rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA, lithium heparin và natri heparin) - Thành phần: Kháng thể kháng HBe đơn dòng ở chuột được gắn nhãn acridinium-ester cộng hợp (~1,2 mg/L) trong chất đệm protein; chất hoạt tính bề mặt; natri azit (< 0,1%); chất bảo quản; Các vi hạt thuận từ phủ Streptavidin được hình thành trước bằng kháng thể kháng HBe đơn dòng ở chuột được gắn biotin (~1,0 mg/L) trong chất đệm protein - Khoảng đo: Chỉ số 0.05 đến 1000.00 - Quy cách: 50 test /hộp 	60	Hộp
31	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm kháng nguyên e của vi-rút viêm gan B (HBeAg)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi việc thực hiện xét nghiệm HBeAg. - Thành phần: Chất kiểm chuẩn HBeAg âm tính: huyết tương người đã xử lý âm tính với HBeAg; natri azit (0,1%); chất bảo quản. Chất kiểm chuẩn HBeAg dương tính: rHBeAg; albumin huyết thanh bò; chất đệm; natri azit (0,1%); chất bảo quản. - Quy cách: 2 x 2 x 10ml 	2	Hộp
32	Thuốc thử xét nghiệm và định tính các kháng thể toàn phần kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng và định tính các kháng thể toàn phần kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và heparin) - Thành phần: Kháng nguyên bề mặt viêm gan B đã bất hoạt ở người (phân nhóm ad và ay) (~1 µg/mL) được gắn nhãn acridinium ester trong chất đệm chứa protein; - Khoảng đo: 3,1 đến 1000,0 mIU/m - Quy cách: 200 test /hộp 	7	Hộp
33	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm và định tính các kháng thể toàn phần kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong việc theo dõi hiệu năng của xét nghiệm aHBs2. - Thành phần: Huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với các kháng thể kháng HBsAg; chất bảo quản. - Quy cách: 2 x 2 x 10ml/hộp 	2	Hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
34	Dung dịch pha loãng 1	Mục đích: Dùng để pha loãng mẫu -Thành phần: Huyết thanh ngựa; natri azit (0,1%); chất bảo quản - Quy cách: 2 x 25ml/hộp	1	Hộp
35	Cóng phản ứng miễn dịch	- Cóng phản ứng dùng trên máy miễn dịch. - Quy cách: 3000 cái /thùng	9	Thùng
36	Đầu côn hút mẫu	- Đầu côn hút mẫu dùng trên máy miễn dịch. - Quy cách: 6480 cái /thùng	5	Thùng
37	Cóng đựng mẫu dung tích 1 ml	- Mục đích sử dụng: Cốc nhựa 1ml đựng mẫu xét nghiệm - Quy cách: 1000 cái/thùng	1	Thùng
38	Ribbon Printer 2.32”X295ft	- Mục đích sử dụng: In barcode dán ống mẫu - Quy cách: 1 bộ/Hộp	1	Hộp
39	Cuộn giấy in	- Cuộn giấy in code có 1 mặt có keo dán. - Quy cách: 1 cuộn/hộp	2	Hộp
XIV	Vật tư tiêu hao thông thường			
1	Băng keo cá nhân	- Băng dán có độ thoáng không làm bí vết thương - Gạc của băng có độ thấm hút tốt, mềm và có lớp cách polyethylene ngăn cách giữa vết thương và gạc. - Băng keo có thể dùng cho da nhạy cảm. - Có nhiều màu sắc, kiểu dáng khác nhau. Kích thước: 19mm x 72mm - Quy cách: 100 cái/hộp	450	Hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
2	Ống Serum (ống nắp đỏ)	<ul style="list-style-type: none"> - Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75 mm, dung tích tối đa 6ml \pm 0.1ml, nắp nhựa LDPE màu đỏ. - Hóa chất bên trong là hạt nhựa Poly Styrene, giúp tiến trình đông máu diễn tiến nhanh chỉ từ 3 - 5 phút, chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian 5 phút. - Dùng tách huyết thanh sử dụng trong xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch. - Quy cách: 500 ống/bì 	45.000	ống
3	Lam kính	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy tinh trung tính, trong suốt, không trầy xước, cạnh nhẵn; không bị nấm mốc, vô trùng. - Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. - Kích thước: 25,4 x 76,2mm (1" x 3") - Dày 1,0 – 1,2mm, giữa các lam có giấy lót, mỗi hộp có bọc giấy ni lông hàn kín chống nhiễm khuẩn (vô trùng), - Quy cách: 72 cái/hộp 	650	hộp
4	Lamen (22x22)	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy tinh trung tính, trong suốt, không trầy xước, cạnh nhẵn; không bị nấm mốc, vô trùng. giữa các lam có giấy lót, mỗi hộp có bọc giấy ni lông hàn kín chống nhiễm khuẩn (vô trùng), - Kích thước: 22mmx22mm. - Quy cách: 100 cái/hộp 	550	hộp
5	Khăn lau tay	<ul style="list-style-type: none"> - Khăn bông cao cấp, sản xuất từ 100% bông tự nhiên, thấm hút tốt, thân thiện với môi trường thích ứng với mọi làn da. - Quy cách: 1 cái/bì 	500	cái

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
6	Đầu côn có màng lọc 10 μ L	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tip có lọc 10 μL, chia vạch - Làm bằng nhựa không có chất phụ gia cellulose - Dùng trong micropipet hút mẫu, tip có lọc giúp ngăn ngừa những cặn và aerosols có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet, giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm chéo không mong muốn. - Màng lọc siêu nhỏ làm bằng vật liệu trơ kỵ nước, kích thước lỗ lọc nhỏ hơn 3 – 4 lần so với màng lọc khác. - Đã tiệt trùng: Khí EO - Đầu tip tương thích với nhiều loại micropipet từ các hãng Eppendorf, Thermo, Dlab,... - Cảnh báo an toàn: hàng không độc hại, không gây ảnh hưởng đến môi trường. - Quy cách: 96 cái/hộp 	16	Hộp
7	Đầu côn có màng lọc 20 μ L	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tip có lọc 20 μL, chia vạch - Làm bằng nhựa không có chất phụ gia cellulose - Dùng trong micropipet hút mẫu, tip có lọc giúp ngăn ngừa những cặn và aerosols có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet, giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm chéo không mong muốn. - Màng lọc siêu nhỏ làm bằng vật liệu trơ kỵ nước, kích thước lỗ lọc nhỏ hơn 3 – 4 lần so với màng lọc khác. - Đã tiệt trùng: Khí EO - Đầu tip tương thích với nhiều loại micropipet từ các hãng Eppendorf, Thermo, Dlab,... - Cảnh báo an toàn: hàng không độc hại, không gây ảnh hưởng đến môi trường. - Quy cách: 96 cái/hộp 	16	Hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
8	Đầu côn có màng lọc 100 μL	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tip có lọc 100 μL, chia vạch - Làm bằng nhựa không có chất phụ gia cellulose - Dùng trong micropipet hút mẫu, tip có lọc giúp ngăn ngừa những cặn và aerosols có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet, giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm chéo không mong muốn. - Màng lọc siêu nhỏ làm bằng vật liệu trơ kỵ nước, kích thước lỗ lọc nhỏ hơn 3 – 4 lần so với màng lọc khác. - Đã tiệt trùng: Khí EO - Đầu tip tương thích với nhiều loại micropipet từ các hãng Eppendorf, Thermo, Dlab,... - Cảnh báo an toàn: hàng không độc hại, không gây ảnh hưởng đến môi trường. - Quy cách: 96 cái/hộp 	16	Hộp
9	Đầu côn có màng lọc 200 μL	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tip có lọc 200 μL, chia vạch. - Làm bằng nhựa không có chất phụ gia cellulose - Dùng trong micropipet hút mẫu, tip có lọc giúp ngăn ngừa những cặn và aerosols có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet, giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm chéo không mong muốn. - Màng lọc siêu nhỏ làm bằng vật liệu trơ kỵ nước, kích thước lỗ lọc nhỏ hơn 3 – 4 lần so với màng lọc khác. - Đã tiệt trùng: Khí EO - Đầu tip tương thích với nhiều loại micropipet từ các hãng Eppendorf, Thermo, Dlab,... - Cảnh báo an toàn: hàng không độc hại, không gây ảnh hưởng đến môi trường. - Quy cách: 96 cái/hộp 	16	Hộp

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
10	Đầu côn có màng lọc 1000 μ L	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tip có lọc 1000 μL, chia vạch - Làm bằng nhựa không có chất phụ gia cellulose - Dùng trong micropipet hút mẫu, tip có lọc giúp ngăn ngừa những cặn và aerosols có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet, giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm chéo không mong muốn. - Màng lọc siêu nhỏ làm bằng vật liệu trơ kỵ nước, kích thước lỗ lọc nhỏ hơn 3 – 4 lần so với màng lọc khác. - Đã tiệt trùng: Khí EO - Đầu tip tương thích với nhiều loại micropipet từ các hãng Eppendorf, Thermo, Dlab,... - Cảnh báo an toàn: hàng không độc hại, không gây ảnh hưởng đến môi trường. - Quy cách: 96 cái/hộp 	24	Hộp
11	Cồn tuyệt đối	<p>Tên chung quốc tế: Ethanol 96°,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công thức hóa học: C₂H₅OH - Đạt tiêu chuẩn: TCCS sản xuất theo quy định của Bộ Y tế hoặc tương đương - Thành phần: Cồn y tế được lên men bằng tinh bột (sắn, ngô) hoặc lên men ri đường - Ethanol phải tinh khiết không có Cl_o, SO₄, kim loại nặng, methanol, chất khử - Quy cách: 1 lít/can 	2	lít
12	Nước muối sinh lý	<p>Dung dịch nước muối sinh lý vô trùng Natri Clorid 0,9%.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: 1 lít/chai 	30	chai

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
13	Bơm tiêm 3cc	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. - Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. - Chỉ tiêu kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Dung tích bơm tiêm: 3ml. + Kích cỡ kim: 23G x 1". + Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường. + Chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. + Piston di chuyển dễ dàng trong xilanh. + Khí và dung dịch không lọt qua giăng ở đầu bịt piston. + Đường kính, độ dài kim, vật liệu kết cấu kim tiêm phù hợp tiêu chuẩn quốc tế: Không bị gãy, không bị rỉ trong điều kiện sử dụng bình thường. - Quy cách: 100 cái/hộp 	60.000	Cái
14	Bông thấm nước	<p>Sản phẩm được sản xuất từ 100% bông xơ tự nhiên, không lẫn tạp chất và không pha poly. Công nghệ châu Âu giúp bông mịn, chắc. Công nghệ tiệt trùng E.O.Gas đối với những sản phẩm dùng trong phẫu thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: 100 gam/gói 	200	Gói
15	Đầu côn trắng 0.5-10 μ l	<ul style="list-style-type: none"> - Được làm từ nhựa y tế, chất lượng cao. - Đầu col được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet, đảm bảo lực hút của cây micropipette, thành trong đầu col không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác khi bơm. - Thể tích: 0.5- 10μl, chiều dài 45mm - Quy cách: 1000 cái/bì 	40	Gói

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
16	Đầu côn vàng có khóa 200 μ l	<ul style="list-style-type: none"> - Có khóa; Chất liệu nhựa dùng trong y tế; Thể tích tối đa: 200μl, chiều dài 45mm. - Chất liệu bằng nhựa polypropylene - Hấp khử trùng ở 121 0C trong vòng 15 phút - Quy cách: 1000 cái/bì 	40.000	Cái
17	Đầu côn xanh 100-1000 μ l	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng nhựa polypropylene, - Tương thích với nhiều loại Micropipet - Hấp khử trùng ở 121 0C trong vòng 15 phút - Quy cách: 500 cái/bì 	1.000	Chiếc
18	Ống trắng không nắp	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 13x75mm. Nhựa PS trắng trong không nắp, dung tích tối đa 6ml \pm 0.1ml - Sử dụng nhựa tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong. - Quy cách: 500 ống/bì 	70.000	ống
19	Gạc y tế	<ul style="list-style-type: none"> - 100% cotton, kích thước 10 x 10cm x 6 lớp, không tiệt trùng. - Quy cách: 100 miếng/gói 	2.000	miếng

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
20	Ống EDTA chân không	<ul style="list-style-type: none"> - Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75mm, dung tích tối đa 6ml ± .1ml, nắp cao su với độ đàn hồi cao, phủ bọc nhựa màu xanh biển giúp thuận lợi trong quá trình thao tác. - Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetraacetic Acid (EDTA) K2 với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ, chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian 5 phút. - Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..). - Thiết kế phù hợp cho mọi hệ thống máy huyết học tự động. - Nắp cao su tinh khiết chất lượng cao giúp kim xuyên qua dễ và đàn hồi tốt, không gây hiện tượng rơi vãi giọt máu ra ngoài, bảo vệ người sử dụng và tránh sự lây nhiễm mẫu bệnh phẩm. - Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml trên nhãn ống. - Quy cách: 2400 ống/ thùng 	60.000	ống
21	Ống nghiệm có nắp 1,5ml	<ul style="list-style-type: none"> - Nhựa PP y tế, trung tính không phản ứng với hóa chất. - Thể tích 1,5ml có vạch thể tích trên thành ống. - Thành trơn láng chống sự bám dính của mẫu bệnh phẩm. - Chịu được nhiệt độ lạnh đông và ly tâm theo tiêu chuẩn. - Dùng lưu mẫu và vận chuyển mẫu. - Quy cách: 1000 ống/bì 	4.000	ống
22	Mũ y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Được làm từ vải không dệt polyeste. Mũ có tác dụng trùm kín đầu và tóc, nhẹ và thoáng mát. Đã tiệt trùng - Quy cách: 1 cái/bì 	500	cái

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.